

Số 1382A/QĐ-YD

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 07 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

(Về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Y đa khoa - Hệ chính quy)

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

- Căn cứ Nghị định 31/CP, ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định 2424/QĐ-ĐHTN, ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;
- Căn cứ Quyết định 560/QĐ-ĐHYD, ngày 06/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên;
- Căn cứ chương trình khung đào tạo Bác sĩ đa khoa ban hành theo quyết định 12/2001/QĐ-BGD&ĐT, ngày 26 tháng 04 năm 2001 của liên Bộ Y tế và Bộ Giáo dục Đào tạo;
- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học;
- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ nội dung Biên bản họp thông qua chương trình đào tạo của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày 20 tháng 6 năm 2016;
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Y đa khoa hệ chính quy.
- Điều 2:** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên từ năm học 2016 - 2017.
- Điều 3:** Các Khoa - Bộ môn căn cứ vào Chương trình được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4:** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo.

**HIỆU TRƯỞNG**



  
**PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đào tạo Bác sĩ đa khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức Y học cơ sở vững chắc, kiến thức và kỹ năng cơ bản về Y học lâm sàng và cộng đồng, kết hợp được Y học hiện đại với Y học cổ truyền, có khả năng tự học vươn lên, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### II. CHUẨN ĐẦU RA

#### 1. Yêu cầu về kiến thức

- Vận dụng được đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng, và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- Vận dụng được kiến thức y học cổ truyền, kết hợp với y học hiện đại trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

- Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội đặc thù ở khu vực miền núi trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### 2. Yêu cầu về kỹ năng

##### 2.1. Kỹ năng cứng

- Thực hiện được kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng được các chứng, bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường.

- Định hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh chuyên khoa và chuyển tuyến đúng.

- Chỉ định, phân tích được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp.

- Thực hiện được một số xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng và thủ thuật theo Quy định phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.

- Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.

- Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học.

## 2.2. Kỹ năng mềm

- Giao tiếp có hiệu quả với cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.
- Sử dụng được tiếng Anh trong thực hành nghề nghiệp.
- Sử dụng thành thạo máy vi tính trong học tập, hoạt động nghề nghiệp.

## 3. Yêu cầu về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.
- Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc miền núi trong hoạt động nghề nghiệp.

## 4. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Các cơ quan quản lý nhà nước về y tế.
- Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.
- Các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, Trung cấp y tế.

## 5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Bác sĩ nội trú.
- Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
- Bác sĩ chuyên khoa cấp II.
- Thạc sĩ Y học.
- Tiến sĩ Y học.

# III. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 3.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ		Tỷ lệ %
			LT	TH	
	Các học phần/ môn học chung	23	10	13	11,5
	Các học phần/ môn học khoa học cơ bản	28	23	5	14,0

	Các học phần/ môn học cơ sở ngành	59	34	25	29,5
	Các học phần/ môn học chuyên ngành	82	34	48	41,0
	Các học phần tự chọn	8	5	3	4,0
	<b>Tổng</b>	<b>200</b>	<b>106</b>	<b>94</b>	<b>100</b>

- 01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

### 3.2. Danh mục các học phần bắt buộc

#### 3.2.1. Phần giáo dục đại cương

STT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
<b>Các học phần/ môn học chung</b>				
1	Giáo dục quốc phòng	4	0	60
2	Giáo dục thể chất 1	3	0	50
3	Giáo dục thể chất 2	3	0	50
4	NNLCB của CN Mác - Lênin 1	2	30	0
5	Giáo dục thể chất 3	3	0	50
6	NNLCB của CN Mác - Lênin 2	3	45	0
7	ĐLCHM của ĐCS Việt Nam	3	45	0
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0
	<b>Tổng</b>	<b>23</b>	<b>150</b>	<b>210</b>
<b>Các học phần/ môn học khoa học cơ bản</b>				
9	Di truyền y học	3	30	30
10	Hóa ĐC - VC	3	30	30
11	Vật lý - Lý sinh	3	30	30
12	Xác suất thống kê trong y học	2	30	0
13	Tin học đại cương	3	15	60
14	Tiếng Anh 1	3	45	0
15	Tiếng Anh 2	3	45	0
16	Tiếng Anh 3	3	45	0
17	Tiếng Anh 4	3	45	0
18	Pháp luật đại cương	2	30	0
	<b>Tổng</b>	<b>28</b>	<b>345</b>	<b>150</b>

**3.2.2. Các học phần/ môn học cơ sở ngành**

STT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
19	Giải phẫu 1	3	15	60
20	Mô phôi	3	30	30
21	Giải phẫu 2	3	30	30
22	Ký sinh trùng	3	30	30
23	Sinh lý 1	3	30	30
24	Điều dưỡng cơ bản	2	15	30
25	Hóa sinh	3	30	30
26	Sinh lý 2	2	15	30
27	Vi sinh	3	30	30
28	Huấn luyện kỹ năng	3	0	90
29	Miễn dịch	2	15	30
30	Sinh lý bệnh	3	30	30
31	Dinh dưỡng và ATTP 1	2	15	30
32	Dược lý 1	3	30	30
33	Giải phẫu bệnh	3	30	30
34	Sức khỏe môi trường - SKNN	3	30	30
35	Tâm lý y đức	2	30	0
36	TT GD và nâng cao SK	2	15	30
37	PP nghiên cứu khoa học	2	15	30
38	Dịch tễ 1	3	30	30
39	Chẩn đoán hình ảnh	2	15	45
40	TC và QLYT - CTYTQG - DS	2	30	0
41	Thực tập cộng đồng 1	2	0	120
	<b>Tổng</b>	<b>59</b>	<b>510</b>	<b>825</b>

**3.2.3. Các học phần/ môn học chuyên ngành**

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
42	Ngoại cơ sở lý thuyết	2	30	0
43	Ngoại cơ sở thực hành	2	0	90
44	Nội cơ sở lý thuyết	2	30	0
45	Nội cơ sở thực hành	2	0	90

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
46	Ngoại bệnh lý lý thuyết 1	2	30	0
47	Nội bệnh lý lý thuyết 1	2	30	0
48	Ngoại bệnh lý thực hành 1	4	0	180
49	Nội bệnh lý thực hành 1	4	0	180
50	Nhi khoa lý thuyết 1	3	45	0
51	Nhi khoa thực hành 1	4	0	180
52	Sản khoa lý thuyết 1	3	45	0
53	Sản khoa thực hành 1	4	0	180
54	Da liễu	2	15	45
55	Mắt	2	15	45
56	Răng hàm mặt	2	15	45
57	Tai mũi họng	2	15	45
58	Thần kinh	2	15	45
59	Ung thư	2	15	45
60	Lao và Bệnh phổi	2	15	45
61	Phục hồi chức năng	2	15	45
62	Sức khỏe tâm thần	2	15	45
63	Y học cổ truyền	2	15	45
64	Truyền nhiễm	2	15	45
65	Ngoại bệnh lý lý thuyết 2	2	30	0
66	Ngoại bệnh lý thực hành 2	3	0	135
67	Nội bệnh lý lý thuyết 2	3	45	0
68	Nội bệnh lý thực hành 2	4	0	180
69	Nhi khoa lý thuyết 2	2	30	0
70	Nhi khoa thực hành 2	3	0	135
71	Sản khoa lý thuyết 2	2	30	0
72	Sản khoa thực hành 2	3	0	135
73	Thực tập cộng đồng 2	4	0	240
	<b>Tổng</b>	<b>82</b>	<b>510</b>	<b>2220</b>

### 3.3. Các học phần tự chọn

STT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
<i>Phần học chung và khoa học cơ bản</i>				
<i>Phần cơ sở ngành</i>				
<i>Phần chuyên ngành (4 học phần chọn 1)</i>				
74	Dược lâm sàng	2	15	30
75	Gây mê hồi sức	2	15	45
76	Pháp y	2	15	45
77	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2	30	0
	<b>Tổng</b>	<b>8</b>	<b>75</b>	<b>120</b>

### 3.4. Mã học phần/ môn học và phân bố theo học kỳ

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học	Số TC	LT	TH	HP tiên quyết	HK
1	MGE131	Di truyền y học	3	30	30		1
2	CHE131	Hóa ĐC - VC	3	30	30		1
3	GIF131	Tin học đại cương	3	15	60		1
4	MIE141	Giáo dục quốc phòng	4	0	60		1
5	ENG131	Tiếng Anh 1	3	45	0		1
6	PHE131	Giáo dục thể chất 1	3	0	50		2
7	MPH131	Vật lý - Lý sinh	3	30	30		2
8	PRO121	Xác suất thống kê trong y học	2	30	0		2
9	ENG132	Tiếng Anh 2	3	45	0	ENG131	2
10	PHE132	Giáo dục thể chất 2	3	0	50		3
11	MLP121	NNLCB của CN Mác - Lênin 1	2	30	0		3
12	ENG133	Tiếng Anh 3	3	45	0	ENG132	3
13	PHE133	Giáo dục thể chất 3	3	0	50		4
14	ENG134	Tiếng anh 4	3	0	0	ENG133	4

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học	Số TC	LT	TH	HP tiên quyết	HK
15	MLP132	NNLCB của CN Mác - Lênin 2	3	45	0	MLP121	4
16	VCP131	ĐLKM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	MLP132	6
17	BLW121	Pháp luật đại cương	2	30	0		7
18	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	MLP132	8
19	ANA231	Giải phẫu 1	3	15	60		2
20	HIS231	Mô phôi	3	30	30		3
21	ANA232	Giải phẫu 2	3	30	30	ANA231	3
22	PAR231	Ký sinh trùng	3	30	30		3
23	PHI231	Sinh lý 1	3	30	30		3
24	FNU221	Điều dưỡng cơ bản	2	15	30		4
25	BIC231	Hóa sinh	3	30	30		4
26	PHI222	Sinh lý 2	2	15	30	PHI231	4
27	MIC231	Vi sinh	3	30	30		4
28	STR231	Huấn luyện kỹ năng	3	0	90		5
29	IMU221	Miễn dịch	2	15	30	PHI222	5
30	PPA231	Sinh lý bệnh	3	30	30	PHI222	5
31	NFS221	Dinh dưỡng và ATTP 1	2	15	30		5
32	PHA231	Dược lý 1	3	30	30		5
33	APA231	Giải phẫu bệnh	3	30	30	HIS231, ANA232	5
34	EOH231	Sức khỏe môi trường - SKNN	3	30	30		5
35	PSE221	Tâm lý y đức	2	30	0		5
36	COM221	TT GD và nâng cao SK	2	15	30		6
37	RME221	PP nghiên cứu khoa học	2	15	30		7
38	EPI231	Dịch tễ 1	3	30	30	MIC231	8
40	HMP221	TC và QLYT - CTYTQG - DS	2	30	0		6
41	COP421	Thực tập cộng đồng 1	2	0	120	HMP221, COM221, EOH231, EPI231, NFS221	10
42	SUR321	Ngoại cơ sở lý thuyết	2	30	0	STR231	6
43	SUR322	Ngoại cơ sở thực hành	2	0	90	STR231	6
44	IME321	Nội cơ sở lý thuyết	2	30	0	STR231	6



TT	Mã số	Tên học phần/ môn học	Số TC	LT	TH	HP tiên quyết	HK
45	IME322	Nội cơ sở thực hành	2	0	90	STR231	6
46	SUR323	Ngoại bệnh lý lý thuyết 1	2	30	0	SUR321, SUR322	7
47	IME323	Nội bệnh lý lý thuyết 1	2	30	0	IME321, IME322	7
48	SUR344	Ngoại bệnh lý thực hành 1	4	0	180	SUR322, SUR321	7
49	IME344	Nội bệnh lý thực hành 1	4	0	180	IME322, IME321	7
50	CPH521	Dược lâm sàng	2	15	30	PHA231	8
51	PED331	Nhi khoa lý thuyết 1	3	45	0	STR231	8
52	PED342	Nhi khoa thực hành 1	4	0	180	STR231	8
53	OGY331	Sản khoa lý thuyết 1	3	45	0	STR231	8
54	OGY342	Sản khoa thực hành 1	4	0	180	STR231	8
55	ANE521	Gây mê hồi sức	2	15	45	SUR323, SUR344, IME323, IME344, PED331, PED342, OGY331, OGY342	9
56	DER321	Da liễu	2	15	45		9
57	OPH321	Mắt	2	15	45		9
58	TJF321	Răng hàm mặt	2	15	45		9
59	ENT321	Tai mũi họng	2	15	45		9
60	NEU321	Thần kinh	2	15	45		9
61	ONC321	Ung thư	2	15	45		9
62	FME521	Pháp y	2	15	45		10
63	TPD321	Lao và Bệnh phổi	2	15	45		10
64	REH321	Phục hồi chức năng	2	15	45		10
65	PSY321	Sức khỏe tâm thần	2	15	45		10
66	TME321	Y học cổ truyền	2	15	45	10	
67	INF321	Truyền nhiễm	2	15	45	EPI231, SUR323, SUR344, IME323, IME344, PED331, PED342, OGY331, OGY342	10
39	IDI221	Chẩn đoán hình ảnh	2	15	45	SUR323, SUR344, IME323, IME344, PED331, PED342, OGY331, OGY342	9
68	SUR325	Ngoại bệnh lý lý thuyết 2	2	30	0	SUR323, SUR344	11
69	SUR336	Ngoại bệnh lý thực hành 2	3	0	135	SUR323, SUR344	11

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học	Số TC	LT	TH	HP tiên quyết	HK
70	IME335	Nội bệnh lý lý thuyết 2	3	45	0	IME323, IME344	11
71	IME346	Nội bệnh lý thực hành 2	4	0	180	IME323, IME344	11
72	HEI521	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2	30	0		11
73	PED323	Nhi khoa lý thuyết 2	2	30	0	PED331, PED342	11
74	PED334	Nhi khoa thực hành 2	3	0	135	PED342, PED331	11
75	OGY323	Sản khoa lý thuyết 2	2	30	0	OGY331, OGY342	11
76	OGY334	Sản khoa thực hành 2	3	0	135	OGY342, OGY331	11
77	COP442	Thực tập cộng đồng 2	4	0	240	Tất cả các HP	12
<b>Tổng</b>			<b>200</b>	<b>1545</b>	<b>3345</b>		

#### IV. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

##### 4.1. Phần giáo dục đại cương

##### 4.1.1. Các học phần chung

##### 1. Giáo dục Quốc phòng

##### Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

##### Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh

Học phần gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

### **Học phần III: Quân sự chung**

Học phần lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

### **Học phần IV: Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK**

Học phần lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

#### **2. Giáo dục thể chất 1**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Điền kinh, bao gồm các kỹ thuật, chiến thuật, một số luật của chạy cự ly ngắn và nhảy cao nhằm tăng cường các tố chất thể lực như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, sự khéo léo và lòng dũng cảm cho sinh viên. Đồng thời giúp cho sinh viên có thể áp dụng vào thi đấu cũng như khả năng tự rèn luyện sức khỏe.

#### **3. Giáo dục thể chất 2**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Bóng chuyền, bao gồm kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật phát bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng cao tay, chiến thuật và một số luật của Bóng chuyền giúp cho sinh viên có thể áp dụng vào thi đấu cũng như khả năng tự rèn luyện sức khỏe. Đồng thời tăng cường các tố chất thể lực như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, sự khéo léo và lòng dũng cảm cho sinh viên.

#### **4. Giáo dục thể chất 3**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ, bao gồm kỹ thuật chuyền bắt bóng, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật ném rổ, kỹ thuật hai bước lên rổ và một số luật của Bóng rổ giúp cho sinh viên có thể áp dụng vào thi đấu cũng như khả năng tự rèn luyện sức khỏe. Đồng thời tăng cường các tố chất thể lực như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, sự khéo léo và lòng dũng cảm cho sinh viên.

#### **5. Những nguyên lý cơ bản của chủ Nghĩa Mác- Lênin I**

Đây là học phần bắt buộc. Ngoài phần mở đầu, học phần gồm 3 chương cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung nhất, bao gồm những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; phép BCDV với tư cách là khoa học về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển, về những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội, tư duy; CNDV lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển CNDV và phép biện chứng vào việc nghiên cứu các lĩnh vực của đời sống xã hội.

#### **6. Những nguyên lý cơ bản của chủ Nghĩa Mác- Lênin II**

Đây là học phần bắt buộc. Học phần Gồm 6 chương chia làm 2 phần: Phần I (Chương IV, V, VI) bao gồm những nội dung cơ bản của Kinh tế chính trị Mác- Lênin, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu một cách có hệ thống về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; kinh tế chính trị và đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Phần II (Chương VII, VIII, IX) bao gồm những nội dung cơ bản về CNXH khoa học, thấy được những thành tựu của sự nghiệp đổi mới và từ đó nâng cao niềm tin vào sự nghiệp đổi mới của Đảng và con đường đi lên CNXH mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta lựa chọn.

#### **7. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam**

Đây là học phần bắt buộc. Ngoài phần mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương, chia thành 2 phần. Phần I (chương 1, 2, 3): Khái quát chung về hoàn cảnh lịch sử và ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền từ 1930- 1945; lãnh đạo đấu tranh kháng chiến chống thực dân Pháp(1945-1954) và đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất Tổ quốc(1954-1975). Phần II (chương IV, V, VI, VII,VIII): khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

## **8. Tóm tắt học phần Tư tưởng Hồ chí Minh**

Đây là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh, từ nguồn gốc hình thành đến những vấn đề cơ bản trong hệ thống tư tưởng. Đặc biệt giúp cho người học thấy được ý nghĩa to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dự nghiệp cách mạng Việt Nam. Ngoài phần mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương. Chương I: Khái quát quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương II, III, IV, V, VI làm rõ những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh như vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc, về CNXH và con đường quá độ lên CNXH, về ĐCS Việt Nam, về văn hóa, đạo đức...

### **4.1.2. Các học phần khoa học cơ bản**

#### **9. Di truyền Y học**

Trong học phần này sinh viên sẽ được biết các thông tin mới nhất và đầy đủ nhất về bộ NST, bộ gen con người, di truyền đơn gen, di truyền đa alen, di truyền đa gen, di truyền quần thể người, đột biến gen và đột biến nhiễm sắc thể ở người, các phương pháp nghiên cứu di truyền y học, các kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học, tư vấn di truyền y học, bất thường bẩm sinh.

#### **10. Hoá đại cương - vô cơ**

Phần Hóa đại cương bao gồm nhiệt động học hoá học, tốc độ phản ứng, tính chất của dung dịch, cân bằng hoá học, dung dịch chất điện li và phần vô cơ là những tính chất cơ bản của một số kim loại và phi kim, các hợp chất vô cơ. Ứng dụng, vai trò sinh học của các đơn chất, hợp chất của một số kim loại và các phi kim. Phần thực hành tiến hành song song với phần lý thuyết. Kết thúc học phần sinh viên có vốn kiến thức cơ bản để học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

#### **11. Học phần Vật lý - Lý sinh**

Vật lý - Lý sinh là một môn khoa học, sử dụng các kiến thức và quy luật Vật lý để làm sáng tỏ bản chất, cơ chế, động lực của các quá trình sống, nghiên cứu ảnh hưởng và tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các phương pháp và kỹ thuật y học hiện đại có sử dụng tác nhân vật lý như sóng âm, siêu âm, điện-từ trị liệu, ghi đo dòng điện sinh vật, ứng dụng của laser và bức xạ trong y học,... Học phần gồm 4 tín chỉ, trong đó 2 tín chỉ Lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Học phần được giảng dạy ở năm thứ nhất, nội dung học phần trang bị cho sinh viên ngành Y những kiến thức y vật lý cơ bản nhất liên quan đến ngành nghề, rèn luyện cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học, kết hợp giữa lý thuyết với thực tiễn, đồng thời giúp họ có thể học các môn học khác như: Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Xạ trị u bướu, Y học hạt nhân,... và các môn học khác có liên quan.

## **12. Xác suất thống kê**

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản, cần thiết về Xác suất thống kê bao gồm một số kiến thức cơ bản như sau: Lý thuyết xác suất cơ bản, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu và một số phương pháp ngoại suy trong thống kê. Giúp cho sinh viên có khả năng tư duy khoa học, logic, thực hiện được việc thu thập và xử lý số liệu cơ bản.

## **13. Tin học đại cương**

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản, cần thiết về máy tính bao gồm một số kiến thức cơ bản như sau: Hệ điều hành Windows, mạng máy tính Internet, hệ soạn thảo văn bản MS Word, bảng tính MS Excel, trình chiếu MS Powerpoint, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS Access. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

## **14. Tiếng Anh 1**

Học phần này giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết và củng cố kiến thức ngữ pháp, từ vựng ở trình độ A2, giúp sinh viên có nền tảng tốt để bắt đầu chương trình học B1 ở các học phần tiếp theo với số lượng 06 bài trong giáo trình English Unlimited. (Elementary) với các chủ đề Places, Films, Journeys, Health, Experiences and Choices.

## **15. Tiếng Anh 2**

Học phần này giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với số lượng 05 bài trong giáo trình English Unlimited Pre- Intermediate nhằm mở rộng phạm vi kiến thức, diễn đạt ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh thông qua các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp và theo chỉ dẫn của giáo viên trên lớp cũng như tự học.

\* Nội dung gồm 6 thành tố: Ngữ pháp, từ vựng, và 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

## **16. Tiếng Anh 3**

Học phần này giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với số lượng 05 bài trong giáo trình English Unlimited Pre-intermediate, nhằm mở rộng hơn nữa phạm vi kiến thức, diễn đạt ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh thông qua các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp và theo chỉ dẫn của giáo viên trên lớp cũng như tự học.

\* Nội dung gồm các thành tố: Ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng nghe, nói, đọc viết.

## **17. Tiếng Anh 4**

Học phần này giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết của bài thi B1 với số lượng 04 bài trong giáo trình English Unlimited Pre- Intermediate và các bài test luyện thi B1 nhằm mở rộng phạm vi kiến thức, diễn đạt ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh thông qua các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp và theo chỉ dẫn của giáo viên trên lớp cũng như tự học. (Xem phụ lục kèm theo)

\* Nội dung gồm 6 thành tố: Ngữ pháp, từ vựng, và 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết

## **18. Pháp luật đại cương**

Đây là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản của nhà nước và pháp luật, hiểu được những kiến thức pháp lý cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật...., nắm được cấu trúc và hình thức biểu hiện của hệ thống pháp luật Việt Nam, hiểu được khái niệm và nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần gồm 9 chương. Chương 1: Khái quát chung về Nhà nước; Chương 2: Khái quát chung về pháp luật; Chương 3: Hệ thống pháp luật Việt Nam; Chương 4: Luật hiến pháp Việt Nam; Chương 5: Luật hành chính Việt Nam; Chương 6: Luật dân sự Việt Nam; Chương 7: Luật hình sự Việt Nam; Chương 8: Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương 9: Pháp luật phòng, chống tham nhũng.

## **4.2. Các môn học cơ sở ngành**

### **19. Giải phẫu 1**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng lớn kiến thức về đại cương môn học, các kiến thức cơ bản về các chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ, hệ thần kinh), hô hấp, tiêu hoá, niệu dục. Các kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu cơ quan và liên quan tới một số chức năng chính trong cơ thể.

Cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương thành phần của các cơ quan để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức.

Các bài giảng sẽ được thuyết trình và thảo luận trên lớp. Trong thời gian học tập học phần này sinh viên sẽ phải làm bài kiểm tra trắc nghiệm lý thuyết vào tuần cuối.

Cuối học phần sinh viên phải thi bằng nhiều hình thức phối hợp để đánh giá được kiến thức, thái độ, kỹ năng: Chạy trạm.

### **20. Giải phẫu 2**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng kiến thức tổng hợp theo định khu các vùng chính của cơ thể. Các kiến thức về vị trí, sự sắp xếp và liên quan của các thành phần xương, cơ, mạch thần kinh của chi, đầu mặt; sự sắp xếp và phân khu các tạng cũng như mối liên quan của chúng trong ngực, bụng. Các chi tiết giải phẫu về mạch máu thần kinh của các tạng và các dạng biến đổi giải phẫu về hệ thống mạch máu của chúng.

Cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức sâu liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý các

vùng, các cơ quan nội tạng để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức.

Các bài giảng sẽ được thuyết trình và thảo luận trên lớp. Trong thời gian học tập học phần này sinh viên sẽ phải làm bài kiểm tra trắc nghiệm lý thuyết vào tuần thứ 10 và tuần 18.

Cuối học phần sinh viên phải thi bằng nhiều hình thức phối hợp để đánh giá được kiến thức, thái độ, kỹ năng: Chạy trạm.

## **21. Mô phôi**

### *Lý thuyết*

\* Mô học: là môn hình thái học thuộc khối môn cơ sở Y – Sinh học; là khoa học nghiên cứu cách cấu tạo ở mức vi thể, siêu vi thể liên quan hoạt động của các mô, cơ quan cơ thể người bình thường không có bệnh. Có kiến thức mô học, người học có cơ sở tiếp thu tốt các môn y cơ sở khác cũng như các môn bệnh học và lâm sàng. Mô học gồm hai phần: mô đại cương (5 loại: biểu mô, mô liên kết, mô cơ, mô máu, mô thần kinh) và mô cơ quan (bao gồm cấu tạo các hệ cơ quan trong cơ thể: hệ hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, tuần hoàn...).

\* Phôi thai học: là khoa học nghiên cứu sự phát sinh, phát triển bình thường, bất thường của cá thể người. Không có những hiểu biết về nguồn gốc, sự biệt hóa của các phôi bào, sự phát triển bình thường của các mô, các cơ quan trong quá trình tạo cá thể, người thầy thuốc không thể hiểu sâu sắc sự phát sinh những rối loạn cấu tạo và hoạt động chức năng của các cơ quan bộ phận trong cơ thể người. Phôi thai học còn là khoa học ứng dụng, từ các nghiên cứu nguyên nhân, yếu tố, cơ chế gây ra các phát triển bình thường và bất thường đã giúp tìm ra các biện pháp cải tạo, ngăn ngừa và phòng chống những nguyên nhân, yếu tố gây vô sinh, thai chết lưu, thai phát triển bất thường, quái thai hay thai mắc các dị tật bẩm sinh...cũng nhờ đó tìm ra các phương pháp chẩn đoán trước sinh và các nỗ lực tìm các biện pháp điều trị sớm như các trường hợp phẫu thuật chữa một số dị tật bẩm sinh, giải quyết vấn đề vô sinh ...

*Thực hành:* quan sát dưới kính hiển vi quang học để nhận biết được các tiêu bản: tế bào, mô, bộ phận chủ yếu của các cơ quan.

## **22. Ký sinh trùng**

Phần lý thuyết gồm: Đại cương Ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ký sinh trùng: Đặc điểm sinh học, chu kỳ của các loại ký sinh trùng, ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sự phát triển của ký sinh trùng, đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng, khả năng gây bệnh của các loại ký sinh trùng, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng bệnh ký sinh trùng. Giun sán ký sinh, ký sinh trùng sốt rét, đơn bào ký sinh, vi nấm, tiết túc.



Phần thực hành gồm: Một số kỹ thuật xét nghiệm tìm ký sinh trùng: xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét, nhuộm tiêu bản máu, xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột. Các bài nhận biết về hình thể ký sinh trùng: Hình thể giun sán trưởng thành, trứng giun sán, đơn bào, vi nấm, tiết túc, ký sinh trùng sốt rét.

### **23. Sinh lý 1**

Phần lý thuyết gồm: Sinh lý đại cương đề cập đến các nội dung về đặc điểm cơ thể sống và nội môi; sinh lý tế bào; sinh lý máu và dịch thể; chuyển hóa các chất, chuyển hóa năng lượng; quá trình điều nhiệt trong cơ thể. Sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan và điều hòa hoạt động chức năng bao gồm các nội dung về hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể như: hệ tuần hoàn, hô hấp, hệ tiêu hóa, tiết niệu, hệ thống nội tiết, hệ sinh sản, hệ thống thần kinh (chức năng vận động).

Phần thực hành gồm: một số các kỹ thuật xét nghiệm máu, nước tiểu một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

### **24. Sinh lý II**

Phần lý thuyết gồm: chức năng cảm giác của hệ thần kinh, hoạt động chức năng của hệ thần kinh cấp cao và sinh lý cơ.

Phần thực hành gồm: phương pháp thăm dò chức năng một số cơ quan, và một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

### **25. Điều dưỡng cơ bản**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vai trò chức năng của người Điều dưỡng trong công tác chăm sóc người bệnh, một số quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, một số kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh như: kỹ thuật tiêm thuốc, truyền dịch-truyền máu, thông tiểu, cho người bệnh ăn qua ống thông dạ dày, sơ cứu gãy xương, hồi sinh tim phổi..., Đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hành một số kỹ thuật, theo dõi, chăm sóc, sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh.

### **26. Hóa sinh**

Hóa sinh là môn học mô tả cấu tạo và chuyển hóa các chất trong cơ thể, nồng độ các chất đó trong tế bào và dịch sinh vật, cơ chế tạo thành cùng quá trình vận chuyển, thoái hóa các chất, sự trao đổi năng lượng để duy trì sự sống. Hơn nữa, hóa sinh còn giúp nhận biết, phân tích và giải thích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi thông qua các xét nghiệm hóa sinh. Vì vậy, hóa sinh rất cần thiết cho cần thiết cho đội ngũ thầy thuốc tương lai và có liên quan tới nhiều chuyên ngành như vi sinh vật, sinh lý học, sinh lý bệnh, nội, nhi... Chính vì vậy, sinh viên mặc dù đi vào chuyên ngành nào đều cần thiết được trang bị những kiến thức về hóa sinh.

## 27. Vi sinh

Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật; ảnh hưởng của yếu tố lý học và hóa học tới sự phát triển của vi sinh vật; ứng dụng một số yếu tố lý hóa trong kiểm soát vi sinh vật gây bệnh; sự tương tác giữa vi sinh vật và cơ thể con người; phương thức bảo vệ của cơ thể chống nhiễm trùng; đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng. Học phần vi sinh cũng trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản về xét nghiệm vi sinh lâm sàng, giúp sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

## 28. Miễn dịch - Sinh lý bệnh

### *Lý thuyết*

Miễn dịch - Sinh lý bệnh là môn học nghiên cứu về những thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình để tìm ra các qui luật hoạt động của bệnh nói chung nhằm rút ra những qui luật từ riêng rẽ, cụ thể đến chung nhất của bệnh học để áp dụng vào thực tiễn chăm sóc sức khỏe con người. Nghiên cứu toàn bộ cấu trúc chức năng và qui luật hoạt động của hệ miễn dịch và các quá trình bệnh lý của hệ thống miễn dịch nhằm góp phần quan trọng trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị sớm các quá trình bệnh lý nhằm đem lại sức khỏe cho con người.

### *Thực tập*

Thực tập Miễn dịch - Sinh lý bệnh là dùng thí nghiệm chứng minh các giả thuyết về bệnh, từ đó rút ra các biện pháp chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh. Thực tập Sinh lý bệnh - Miễn dịch cung cấp cho sinh viên biết cách phân tích, giải thích và chỉ định một số xét nghiệm giúp chẩn đoán và tiên lượng, điều trị bệnh.

## 29. Huấn luyện kỹ năng

+ Kỹ năng giao tiếp cơ bản: Gồm các khái niệm cơ bản về kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi... ; Kỹ năng hỏi bệnh sử, hỏi tiền sử. Giáo dục sức khỏe cho cá nhân.

+ Kỹ năng thăm khám các cơ quan: Tuần hoàn, tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, toàn thân và chất thải tiết, thần kinh, vận động. Khám vú.

+ Phần kỹ năng thuộc ngoại thủ thuật: Dụng cụ phẫu thuật cơ bản, kỹ thuật khâu và buộc chỉ. Xử trí vết thương phần mềm đến sớm. Mở bụng thăm dò dạ dày ruột. Kỹ thuật cố định gãy xương. Kỹ thuật chọc dò dịch màng bụng, chọc hút khí, hút dịch khoang màng phổi.

### **30. Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm 1**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng cơ sở gồm có: thành phần, vai trò, nguồn gốc, nhu cầu các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân nhóm thực phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm để có thể tổ chức bữa ăn hợp lý, đề phòng các rối loạn do dinh dưỡng và các bệnh có liên quan. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trong điều trị, giúp tư vấn chế độ ăn đúng đắn cho bệnh nhân, hỗ trợ điều trị bệnh.

### **31. Dược lý 1**

Một số khái niệm về dược động học của thuốc. Một số các tương tác thuốc - thuốc, thuốc - thức ăn... Cơ chế, tác dụng, tác dụng phụ và áp dụng lâm sàng của các thuốc thiết yếu. Quy chế kê đơn thuốc và cách kê đơn thuốc.

### **32. Giải phẫu bệnh**

Giải phẫu bệnh là một trong những môn hình thái học, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về những biến đổi của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Giúp sinh viên hiểu được giá trị cũng như ý nghĩa của xét nghiệm Giải phẫu bệnh đối với các chuyên khoa, từ đó biết cách chỉ định, phân tích kết quả xét nghiệm giải phẫu bệnh giúp cho việc chẩn đoán và điều trị. Thực hành: Quan sát dưới kính hiển vi quang học để nhận định được một số tổn thương cơ bản và một số bệnh thường gặp.

### **33. Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp**

Môn học SKMT-SKNN bao gồm những kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, môi trường lao động và tác động của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Học phần này cung cấp các kỹ năng đánh giá một số chỉ số trong môi trường sống, môi trường lao động để có những biện pháp bảo vệ sức khỏe con người. Môn học này giúp cho sinh viên nhận thức đầy đủ về vai trò của Y học lao động trong thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe người lao động.

### **34. Tâm lý Y học - Y đức**

Tâm lý y học: Đề cập đến tâm lý của người khỏe mạnh, tâm lý của người mắc bệnh và cách giao tiếp với các đối tượng bệnh nhân. Phần này cũng đề cập đến cách phòng chống tâm chấn, liệu pháp tâm lý để phục hồi sức khỏe cho các đối tượng bệnh nhân.

Đạo đức y học: Phần này đề cập đến những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

### **35. Truyền thông- GDSK**

Học phần này bao gồm 2 tín chỉ : 1 lý thuyết và 1 thực hành. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại và giảng đường. Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về khoa học hành vi, về TT-GDSK. Truyền thông giáo dục sức khỏe là một công cụ thiết yếu của quá trình nâng cao sức khỏe. Quá trình truyền thông sức khỏe hiệu quả tạo điều kiện cho các chủ thể liên quan có đầy đủ kiến thức, nhận thức đúng thái độ và niềm tin tích cực để tiến tới thực hiện những hành vi có lợi cho sức khỏe bản thân và cộng đồng. Người cán bộ y tế tương lai cần được trang bị những kiến thức và kỹ năng về truyền thông – giáo dục sức khỏe để sau này sẽ thực hành các kỹ năng tư vấn truyền thông cho người bệnh tại bệnh viện, người dân trong cộng đồng giúp công tác điều trị và phòng bệnh được hiệu quả hơn.

### **36. Dịch tễ 1**

Học phần dịch tễ học bao gồm 21 bài được trình bày theo hai phần: Phần thứ nhất từ bài 1 đến bài 9 là phần mang tính chất nguyên lý, phương pháp luận về dịch tễ học, phương pháp dịch tễ học về nghiên cứu sức khỏe, xây dựng các giải pháp can thiệp sức khỏe cộng đồng.

Phần thứ 2 từ bài 10 đến bài 21 bao gồm các vấn đề vận dụng và thực hành các vấn đề dịch tễ học, sức khỏe, các bệnh nhiễm khuẩn không nhiễm khuẩn phổ biến ở Việt Nam.

### **37. Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số**

Học phần Tổ chức - quản lý y tế và Chương trình y tế quốc gia – Dân số gồm 3 phần nội dung cơ bản: Tổ chức - quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia và Dân số:

Phần Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản.

Phần Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở.

Phần Dân số – Sức khỏe sinh sản đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản, chiến lược Dân số của quốc gia.

### **38. Thực tập cộng đồng 1**

Học phần này bao gồm 4 tín chỉ thực hành. Đây là học phần tạo cơ hội cho sinh viên thực hành các kiến thức đã học từ năm thứ nhất đến năm thứ 5. Thời gian là 6 tuần, 1 tuần tập huấn tại trường, 2 tuần tại cơ sở y tế huyện, 3 tuần tại xã. Các cán bộ y tế cơ sở (huyện, xã) sẽ tham gia hướng dẫn sinh viên. Giảng viên nhà trường sẽ hướng dẫn, giám sát, đánh giá sinh viên trong quá trình học tại thực địa. Sinh viên sẽ

được học và rèn luyện một số kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết của người bác sỹ tương lai: tìm hiểu thực trạng tổ chức, quản lý và hoạt động của hệ thống y tế huyện, xã; thực hành chẩn đoán cộng đồng, xây dựng kế hoạch truyền thông và thực hành kỹ năng TT-GDSK. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện thêm các kỹ năng như giao tiếp với người dân, làm việc với cộng đồng, làm việc nhóm, tổ chức triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo. Thái độ tôn trọng cộng đồng, làm việc độc lập, ý thức tổ chức kỷ luật cũng là những tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên khi tham gia học phần này.

### **4.3. Các học phần chuyên ngành**

#### **39-40. Nội cơ sở lý thuyết - Nội cơ sở thực hành**

+ Giảng lý thuyết về triệu chứng học nội khoa một số bài đã quy định trong chương trình khung.

+ Giảng thực hành, hướng dẫn khám trên người bình thường và dạy cách khám bệnh, phát hiện triệu chứng trên bệnh nhân.

#### **41-42. Nội bệnh lý lý thuyết 1 - Nội bệnh lý thực hành 1**

+ Giảng lý thuyết trên giảng đường về bệnh học nội khoa một số bài đã quy định trong chương trình khung của nội bệnh lý 1+2.

+ Giảng thực hành, hướng dẫn chẩn đoán bệnh sau khi khám và xét nghiệm bệnh nhân.

#### **43-44. Ngoại cơ sở lý thuyết - Ngoại cơ sở thực hành**

Học phần Ngoại cơ sở bao gồm hai tín chỉ lý thuyết và hai tín chỉ thực hành, được giảng trong thời gian 10 tuần.

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các hội chứng ngoại khoa thường gặp ở các lĩnh vực ngoại tiêu hóa, ngoại chấn thương, ngoại thần kinh, ngoại tiết niệu, ngoại tim mạch lồng ngực.

Học phần Ngoại cơ sở lý thuyết diễn ra đồng thời cùng với học phần Ngoại cơ sở thực hành. Những bài giảng lâm sàng phong phú về kỹ năng khai thác bệnh sử, cách khám, các tình huống lâm sàng đa dạng... mở hướng đi mới trong việc áp dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành nghề nghiệp, giúp sinh viên chủ động hơn.

Kì vọng sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được kiến thức cơ bản về triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các hội chứng ngoại khoa thường gặp, giúp sinh viên có khả năng phát hiện các triệu chứng lâm sàng và đề xuất các phương pháp cận lâm sàng phù hợp

#### **45-46. Ngoại bệnh lý lý thuyết 1 - Ngoại bệnh lý thực hành 1**

Học phần bao gồm ba tín chỉ lý thuyết và bốn tín chỉ thực hành. Học phần lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản về dịch tễ học lâm sàng, sinh lý bệnh, giải

phẫu bệnh, chẩn đoán và điều trị các bệnh lí ngoại khoa thường gặp. Học phần bao gồm: Bệnh học Ngoại tiết niệu cung cấp những kiến thức về sỏi tiết niệu, u phì đại tuyến tiền liệt, dị tật bẹn bìu, chấn thương tiết niệu; Bệnh học cấp cứu bụng như thủng ổ loét dạ dày tá tràng, hẹp môn vị, chảy máu nặng do loét dạ dày tá tràng, viêm tụy cấp, tắc mật do sỏi ống mật chủ, tắc ruột, thoát vị bẹn nghẹt. Bệnh học chấn thương chỉnh hình như gãy xương chi trên, gãy xương chi dưới, trật khớp, vết thương phần mềm, vết thương bàn tay, gãy xương hở. Bệnh học ngoại thần kinh-sọ não như chấn thương, vết thương sọ não, chấn thương cột sống. Bệnh học về ngoại lồng ngực tim mạch như chấn thương, vết thương lồng ngực. Học phần lâm sàng với những bài giảng về nghiên cứu ca bệnh, những bảng kiểm liên quan đến thủ thuật, phẫu thuật.

Kì vọng, sau khi kết thúc học phần ngoại bệnh học 1, sinh viên có được các kiến thức cơ bản về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh, chẩn đoán và điều trị những bệnh lí ngoại khoa thường gặp và vận dụng những kiến thức đó trong thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện có hiệu quả hơn.

#### **47. Nhi khoa lý thuyết 1**

Học phần này bổ sung cho sinh viên kiến thức về sự phát triển, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển và đặc điểm các hệ cơ quan của trẻ em. Sinh viên cũng tiếp tục được trang bị thêm các kiến thức về sơ sinh và dinh dưỡng của trẻ. Sinh viên sẽ được học các bài giảng: Các thời kỳ tuổi trẻ, sự phát triển thể chất trẻ em, phát triển tinh thần vận động của trẻ, đặc điểm các hệ cơ quan ( hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, máu bạch, tiết niệu, thần kinh), đặc điểm trẻ sơ sinh đủ- thiếu tháng và dinh dưỡng của trẻ em.

Sinh viên cần chủ động tìm đọc tài liệu do bộ môn cung cấp và giới thiệu. Tham gia lên lớp đầy đủ, thảo luận tích cực các bài học.

Sinh viên tham gia bài kiểm tra thường xuyên 30 phút vào tuần thứ hai, bài kiểm tra giữa học phần 45 phút vào cuối tuần thứ ba và thi kết thúc học phần 60 phút vào cuối tuần thứ 4 theo hình thức thi tự luận.

#### **48. Nhi khoa thực hành 1**

Học phần này giúp sinh viên đánh giá được sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, phát hiện được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ. Hướng dẫn cách đo các chỉ số nhân trắc, thăm khám phát hiện các triệu chứng, khai thác các triệu chứng để làm bệnh án. Hướng dẫn sinh viên đánh giá các dấu hiệu trẻ sinh đủ tháng, non tháng và cách chăm sóc. Sinh viên được thực hành chế biến một số món ăn cho trẻ dưới 1 tuổi và được thực hiện một số thủ thuật đơn giản.

Sinh viên phải tự đọc các bài giảng thực hành, các bảng kiểm và thảo luận trên lớp. Sinh viên phải tham gia thường trực tại bệnh viện mỗi tuần một buổi và nộp 1

bệnh án/ tuần. Trong thời gian học lâm sàng sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng. Cuối học phần, sinh viên phải thi thực hành để đánh giá các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành và kỹ năng ra quyết định.

Sinh viên chủ động tham khảo tài liệu trên thư viện, Internet và các tài liệu do bộ môn cung cấp trước khi lên lớp, học tập đầy đủ và tham gia thảo luận tích cực

#### **49. Sản khoa lý thuyết 1**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chu kỳ hoạt động sinh dục của buồng trứng và các hormon sinh dục, sự thụ tinh làm tổ và phát triển của trứng, sự phát triển của thai và phần phụ của thai nhi trong buồng tử cung, sinh lý chuyển dạ, sản thường và các chăm sóc trước trong và sau sinh. Các trường hợp sản bệnh có thể gặp phải trong thời kỳ mang thai

Cung cấp các kiến thức cơ bản về các bệnh lý phụ khoa thông thường như u xơ tử cung, u nang buồng trứng, sa sinh dục.

#### **50. Sản khoa thực hành 1**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, xử trí các bệnh lý Sản phụ khoa thông thường. Vận dụng kiến thức để chăm sóc sản phụ trước trong, sau sinh và chăm sóc trẻ sơ sinh

Thăm khám, vận dụng kiến thức để chẩn đoán và điều trị một số bệnh phụ khoa thông thường

#### **51. Da liễu**

Trong học phần này sinh viên sẽ được học lý thuyết và một số buổi thảo luận có sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn về một số chủ đề chính và các bệnh da: Bệnh da nhiễm khuẩn, bệnh do virus, bệnh da dị ứng, bệnh da do ký sinh trùng-nấm và một số bệnh LTQĐTD: Lậu, giang mai, nấm sinh dục... Sau đó sẽ đi thực hành tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên. Hình thức thực hành: sinh viên sẽ được tham dự các buổi đi buồng, bình bệnh án, thảo luận tình huống, thăm khám bệnh nhân hàng ngày và thực hành các kỹ năng lâm sàng trên người bệnh ở các phòng điều trị khoa Da liễu và phòng khám Da liễu.

Trong thời gian học học phần này sinh viên sẽ có 2 bài kiểm tra: 01 bài kiểm tra thường xuyên (điểm hệ số 1) và 1 bài kiểm tra giữa học phần- các kỹ năng thực hành tại bệnh viện (điểm hệ số 2). Bài thi kết thúc học phần vào tuần thứ 3 (theo lịch thi của Nhà trường), hình thức thi: tự luận.

#### **52. Mắt**

+ Lý thuyết: học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu mắt. Triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh mắt thường gặp: tật khúc xạ,

viêm kết mạc, viêm loét giác mạc, glôcôm, viêm móng mắt thể mi, chấn thương mắt, bỏng mắt, một số bệnh mắt có liên quan tới bệnh toàn thân.

+ Lâm sàng: giúp sinh viên có kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử một số bệnh mắt thường gặp. Khám phát hiện và mô tả được các tổn thương cơ bản thuộc bán phần trước nhãn cầu. Sơ cứu được các cấp cứu mắt thường gặp. Hướng dẫn được chăm sóc mắt ban đầu tại cộng đồng.

### **53. Răng - Hàm - Mặt**

Phần lý thuyết gồm những kiến thức cơ bản về: Răng và bộ răng, bệnh sâu răng, bệnh lý tủy và vùng quanh cuống răng, bệnh vùng quanh răng, viêm nhiễm răng miệng - hàm mặt, khe hở môi - vòm miệng, khối u vùng hàm mặt, chấn thương vùng hàm mặt, mối liên quan giữa răng miệng và sức khỏe toàn thân, chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu. Phần thực hành hướng dẫn thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc khám, phát hiện, ra chỉ định xử trí và tư vấn phòng các bệnh răng hàm mặt thường gặp.

### **54. Tai - Mũi - Họng**

Học phần gồm có 4 nội dung. Các bệnh lý Tai mũi họng thông thường. Các cấp cứu thường gặp trong Tai mũi họng. Các bệnh ung thư thường gặp trong Tai mũi họng. Các bệnh chấn thương thường gặp trong Tai mũi họng.

### **55. Thần kinh**

Học phần Thần kinh là một môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất để khám phát hiện được triệu chứng, một số hội chứng cơ bản trong tổn thương hệ thần kinh, chẩn đoán và xử trí một số bệnh thần kinh thường gặp trong thực hành.

+ Lý thuyết: có 10 bài bao gồm các hội chứng cơ bản: rối loạn vận động, liệt nửa người, liệt hai chân, liệt mặt, đau đầu, hội chứng màng não, hội chứng tiền đình, hội chứng thất lưng hông và 2 bệnh lý thần kinh thường gặp: đột quy, động kinh.

+ Thực hành: khám xác định các triệu chứng và một số hội chứng cơ bản: rối loạn vận động, cảm giác, phản xạ, dinh dưỡng – cơ tròn, thần kinh sọ não, hội chứng màng não, hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, hội chứng tiền đình, thực hiện khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh thường gặp: đau đầu, đau thất lưng hông, đột quy, động kinh.

### **56. Ung thư**

Học phần Ung thư là một môn học chuyên ngành thuộc khối chuyên khoa lẻ trong chương trình đào tạo. Học phần ung thư nhằm giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất



về bệnh ung thư, trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về phòng và phát hiện sớm, cách chẩn đoán và các nguyên tắc điều trị một số bệnh ung thư thường gặp.

+ Lý thuyết: có 8 bài bao gồm phần ung thư đại cương (5 bài) và ung thư bộ phận (3 bệnh ung thư thường gặp là Ung thư vú, vòm và phổi).

+ Thực hành: Thực hành được các kỹ năng khám lâm sàng một số bệnh ung thư thường gặp. Chỉ định phù hợp và phân tích kết quả của các xét nghiệm cận lâm sàng. Chẩn đoán được một số bệnh ung thư thường gặp theo đúng hướng dẫn. Lựa chọn, chỉ định đúng liệu trình đa mô thức điều trị một số bệnh ung thư thường gặp.

### **57. Lao**

Trong học phần này sinh viên sẽ được học lý thuyết và thảo luận về dịch tễ học bệnh lao, các thể lao thường gặp, phát hiện và chẩn đoán các bệnh lao thường gặp; các thuốc điều trị lao thiết yếu, các phác đồ điều trị bệnh lao và phòng bệnh lao. Hướng dẫn một số xét nghiệm đặc hiệu, xét nghiệm hiện đại trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao: Xét nghiệm đờm tìm vi khuẩn lao, BACTEC - MGIT, PCR, Gene Xpert MTB/RIF. Chụp Xquang, siêu âm màng phổi, soi phế quản, phản ứng mantoux, đo chức năng hô hấp... Trên cơ sở đó giúp cho sinh viên sử dụng những kiến thức bệnh học lao áp dụng thực hành tại bệnh viện và cộng đồng.

Trong thời gian học học phần này sinh viên sẽ có 2 bài kiểm tra: 01 bài kiểm tra thường xuyên (điểm hệ số 1) và 1 bài kiểm tra giữa học phần- các kỹ năng thực hành tại bệnh viện (điểm hệ số 2). Bài thi kết thúc học phần vào tuần thứ 3 (theo lịch thi của Nhà trường), hình thức thi: tự luận.

### **58. Tâm thần**

Học phần Tâm thần là một môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Trong học phần này học viên được cung cấp kiến thức cơ bản về triệu chứng học tâm thần, các bệnh tâm thần, cấp cứu thường gặp.

+ Lý thuyết: 15 tiết, bao gồm 7 bài: triệu chứng học tâm thần, bệnh tâm thần phân liệt, rối loạn trầm cảm, nghiện chất, rối loạn tâm thần thực tổn, rối loạn liên quan đến stress, cấp cứu tâm thần

+ Thực hành: 15 tiết, bao gồm: cách khám và làm bệnh án tâm thần; chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh tâm thần phân liệt; chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh trầm cảm; chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh nghiện chất; chẩn đoán, điều trị, dự phòng rối loạn phân ly; chẩn đoán, điều trị, dự phòng rối loạn tâm thần thực tổn; xử trí bệnh nhân kích động - tự sát.

### **59. Y học cổ truyền**

+ Châm cứu: Kỹ thuật châm cứu, 70 huyệt thường dùng điều trị một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng

+ Xoa bóp bấm huyệt: Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt, xoa bóp bấm huyệt điều trị một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng

+Thuốc đông y chữa một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng.

+ Bệnh học : 8 bệnh chứng thường gặp tại cộng đồng.

## **60. Truyền nhiễm**

Học phần đề cập đến một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở các khía cạnh dịch tễ học, triệu chứng, chẩn đoán, biến chứng, điều trị và cách phòng bệnh và một số các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Sinh viên được học lý thuyết trên giảng đường, học thực hành tại bệnh viện, trực tại bệnh viện (hình thức học thực hành: giao ban trực, thảo luận ca bệnh, dạy học bên giường bệnh, bình bệnh án... )Học phần có 3 bài kiểm tra (2 bài kiểm tra thường xuyên hệ số 1 và 1 bài kiểm tra giữa học phần hệ số 2). Các bài kiểm tra sinh viên được thông báo trước thời điểm, nội dung và hình thức kiểm tra. Bài thi kết thúc học phần được tổ chức vào tuần cuối cùng của học phần. Kiểm tra, thi dưới hình thức tự luận.

## **61-62. Nội bệnh lý lý thuyết 2 - Nội bệnh lý thực hành 2**

Giảng lý thuyết trên giảng đường về bệnh học nội khoa một số bài đã quy định trong chương trình khung của nội bệnh lý 3 + 4.

+ Giảng thực hành, hướng dẫn chẩn đoán bệnh sau khi khám và xét nghiệm bệnh nhân.

+ Hướng dẫn cách ra y lệnh điều trị.

## **63-64.Ngoại bệnh lý lý thuyết 2 - Ngoại bệnh lý thực hành 2**

Học phần bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 3 tín chỉ thực hành. Học phần lý thuyết với những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị. Cập nhật những kiến thức đa dạng về các ngoại khoa, bao gồm: Bệnh lý về ung thư tiêu hóa, ung thư tiết niệu; Bệnh lý về tiêu hóa như bệnh trĩ, rò hậu môn; Các dị tật bẩm sinh về tiêu hóa, tiết niệu; Bệnh lý chấn thương như hội chứng chèn ép khoang, vết thương mạch máu, vết thương khớp; Bệnh lý về thần kinh sọ não như thoát vị đĩa đệm, u não, áp xe não. Học phần lâm sàng với những thông tin mới về lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh và các phương pháp điều trị cập nhật. Phân tích những ca bệnh, cung cấp các thông tin về chẩn đoán và điều trị trong các buổi bình bệnh án, đi buồng.

Kì vọng sinh viên trong quá trình học ngoại bệnh học 2 thu được những kiến thức cơ bản về tổn thương giải phẫu bệnh, sinh bệnh học, chẩn đoán và điều trị những bệnh ngoại khoa chuyên biệt thường gặp. Giúp sinh viên năm cuối đi thực tế tốt nghiệp tại cộng đồng thu được nhiều kết quả khả quan và vận dụng được các kiến thức cơ bản về lâm sàng, cận lâm sàng trong việc chẩn đoán và cấp cứu một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp tại cộng đồng

## **65. Nhi khoa lý thuyết 2**

Học phần này giúp sinh viên học các kiến thức về chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh thường gặp ở trẻ em (viêm phế quản phổi, tiêu chảy, còi xương, suy dinh dưỡng, thiếu máu, xuất huyết, viêm cầu thận, hội chứng thận hư, viêm màng não mủ, đau bụng, nôn trớ, táo bón, biếng ăn, suy tim, nhiễm khuẩn tiết niệu, ngộ độc, co giật hôn mê), đồng thời sinh viên cũng có cái nhìn tổng thể về cơ cấu bệnh tật trẻ em Việt Nam hiện nay. Sinh viên cũng được tiếp cận với các chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em hiện đang được thực hiện tại các tuyến y tế ( chương trình xử trí lồng ghép trẻ bệnh, chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy, chương trình phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp).

Sinh viên cần chủ động tìm đọc tài liệu do bộ môn cung cấp và giới thiệu. Tham gia lên lớp đầy đủ, thảo luận tích cực.

Trong thời gian học học phần này sinh viên có 2 bài kiểm tra thường xuyên thời gian 30 phút (tuần thứ 3 và tuần thứ 6), 1 bài kiểm tra giữa học phần thời gian 45 phút ở tuần thứ 5 và 1 bài thi kết thúc học phần vào cuối tuần thứ 7 theo hình thức thi tự luận.

## **66. Nhi khoa thực hành 2**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kỹ năng về chẩn đoán, điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em. Sinh viên cũng được thực hành một số thủ thuật trong nhi khoa. Đồng thời sinh viên cũng được tiếp cận với các chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em hiện đang được thực hiện tại các tuyến y tế.

Trong học phần này sinh viên cần tích cực chủ động, tăng cường thảo luận lâm sàng, tham gia chăm sóc và điều trị bệnh nhi tại bệnh viện. Tham gia thường trực 1 buổi/ tuần.

Trong học phần này sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng và mỗi tuần nộp 1 bệnh án. Cuối học phần, sinh viên phải thi thực hành để đánh giá các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành và kỹ năng ra quyết định.

Sinh viên chủ động tham khảo tài liệu trên thư viện và các tài liệu do bộ môn cung cấp trước khi lên lớp, học tập đầy đủ và tham gia thảo luận tích cực các buổi học lâm sàng.

## **67. Sản khoa lý thuyết 2**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thai nghén bình thường và thai nghén có nguy cơ, các tai biến sản khoa thường gặp, các trường hợp đẻ khó. Các yếu tố nguy cơ về phía mẹ, thai và phần phụ của thai trong thời kỳ mang thai và trong thời kỳ chuyển dạ.

Cung cấp các kiến thức chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường và bệnh lý, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

Cung cấp kiến thức cơ bản về ung thư tử cung, cổ tử cung, niêm mạc tử cung, vú.

## 68. Sản khoa thực hành 2

Vận dụng kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, tiên lượng, xử trí các trường hợp thai nghén bình thường và thai nghén nguy cơ cao. Thăm khám phát hiện các yếu tố để tiên lượng cuộc đẻ. Hồi sức được các trường hợp thai suy, thai ngạt. Chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường và trẻ sơ sinh bệnh lý, tư vấn bệnh nhân và gia đình chăm sóc trẻ sau đẻ. Tư vấn các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp phá thai an toàn.

Thăm khám, sử dụng các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa để chẩn đoán, điều trị các trường hợp xuất huyết sản khoa 3 tháng đầu và 3 tháng cuối, rong kinh, rong huyết, viêm nhiễm đường sinh dục, ung thư niêm mạc tử cung, ung thư cổ tử cung, ung thư tử cung và ung thư vú.

## 69. Thực tập cộng đồng 2

### \* Nhi khoa

Trong đợt thực tế sinh viên được thực hành các kỹ năng lâm sàng cần thiết và thường gặp tại bệnh viện tỉnh, đồng thời sinh viên cũng được tiếp cận với các chương trình chăm sóc sức khoẻ trẻ em hiện đang được thực hiện tại các tuyến y tế.

Hướng dẫn sinh viên thực hành là các bác sỹ chuyên khoa nhi của các bệnh viện nơi sinh viên thực tế tốt nghiệp, do đó sinh viên học được nhiều kinh nghiệm lâm sàng để áp dụng giải quyết các tình huống trong điều trị và chăm sóc trẻ tại bệnh viện.

Do không có giáo viên của trường nên sinh viên phải tự giác, chủ động trong học tập, hoà nhập với các hoạt động của khoa phòng để thu được kết quả tốt trong đợt thực tế. Cần phát huy những kiến thức đã thu nhận trong nhà trường để ứng dụng vào thực tế.

Trong đợt thực tế, sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng, hoàn thành bệnh án, phiếu ghi IMCI, tham gia thường trực và điều trị tại khoa Nhi nơi sinh viên thực tế tốt nghiệp.

Sau đợt thực tế, sinh viên phải nộp sổ chỉ tiêu lâm sàng, bệnh án đã thực hiện trong đợt thực tế và tham gia thi lâm sàng trên bệnh nhân tại trung tâm Nhi khoa – Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên

Điểm học phần thực tế tốt nghiệp gồm: điểm thực tế tại bệnh viện huyện (điểm bệnh án (chấm 2 bệnh án ngẫu nhiên), điểm chỉ tiêu thực hành) và điểm thi thực tế trên bệnh nhân tại bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên.

### \* Nội khoa

Học phần thực hành những kỹ năng về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý Nội khoa thường gặp ở cộng đồng.

Sinh viên tham gia tiếp nhận, khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án cho các bệnh nhân mắc các bệnh nội khoa thường gặp tại cơ sở thực hành.

Sinh viên tham gia thực hiện một số thủ thuật Nội khoa theo các mức độ cần đạt theo yêu cầu của bộ môn, chuẩn đầu ra của bác sỹ đa khoa.

Sinh viên hoàn thành bệnh án một số bệnh nội khoa thông thường, thông kê tỉ lệ các bệnh nội khoa thường gặp trong đợt thực tế.

Kết thúc học phần sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu của đợt thực tế được giao. Có kỹ năng cơ bản trong việc vận dụng kiến thức đã học vận dụng tại cộng đồng, cơ sở y tế.

#### *\* Ngoại khoa*

Học phần bao gồm những kỹ năng về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý ngoại khoa thường gặp ở cộng đồng. Cung cấp các thông tin về chẩn đoán và thái độ xử trí phù hợp với các tuyến điều trị. Với các tình huống lâm sàng, đi buồng, bình bệnh án giúp sinh viên khi ra trường có những kỹ năng thực hành nhất định. Học phần thực hành thực tế tốt nghiệp Ngoại khoa yêu cầu sinh viên năm cuối đạt được những kỹ năng cơ bản của người Bác sỹ mới ra trường và từ đó định hướng rõ ràng cho sinh viên cái đích cần đạt được trong quá trình tiếp cận bệnh nhân tại các tuyến

Kỳ vọng học sinh trong quá trình học lâm sàng tại các tỉnh biết vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành nghề nghiệp một cách có hiệu quả nhất. Giúp sinh viên đi thực tế tại cộng đồng thu được nhiều kết quả.

#### *\* Sản khoa*

Trong thời gian thực hành của học phần này sinh viên phải hoàn thành những nội dung học tập sau đây:

Tại Bệnh viện thực hành: Giao ban, đi buồng, thăm khám, tư vấn, ghi chép hồ sơ bệnh án ở các khu vực khoa/phòng: phòng khám sản phụ khoa, phòng đẻ, phòng hậu sản, phòng hậu phẫu và phòng điều trị sản phụ khoa theo chỉ tiêu lâm sàng

Trong thời gian học học phần này sinh viên làm 5 bệnh án có xác nhận của khoa phòng, Viết bản thu hoạch cá nhân, có xác nhận của bệnh viện thực hành.

Kỳ vọng học sinh phải tham gia đầy đủ các hoạt động tại khoa/phòng, tham gia thảo luận tích cực, chủ động trong học tập, tham gia cùng khoa/phòng: khám bệnh, tư vấn cho người bệnh. Tham gia thường trực, thực hiện các nội quy, quy chế tại bệnh viện. Đảm bảo quyền lợi của khách hàng và bệnh nhân.

### **4.4. Các học phần tự chọn**

#### **70. Dược lâm sàng**

Chương trình lý thuyết bao gồm các nội dung: tính các thông số dược động học cơ bản, tương tác thuốc, hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận, các phản ứng bất lợi của thuốc và cung cấp các thông tin về thuốc và cách sử dụng thuốc

trên các đối tượng đặc biệt và nguyên tắc sử dụng các nhóm thuốc thông thường. Trong thực hành sinh viên được hướng dẫn kỹ năng giao tiếp, cách tính toán các thông số dược động học cơ bản, hiệu chỉnh liều ở đối tượng suy giảm chức năng gan-thận, đánh giá các mức độ tương tác thuốc và cách khắc phục, bình đơn thuốc và phân tích những tình huống lâm sàng cụ thể liên quan đến sử dụng các nhóm thuốc thông thường.

### **71. Gây mê hồi sức**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về GMHS làm cơ sở để sinh viên hiểu và thực hành trên lâm sàng bao gồm : các kỹ thuật cơ bản về gây mê gây tê, kỹ thuật thăm khám, chuẩn bị bệnh nhân trước mổ, các quy trình khi thực hiện phẫu thuật, thủ thuật. Giúp cho sinh viên biết cách theo dõi và chăm sóc bệnh nhân sau mổ nói chung, các phương pháp giảm đau sau mổ nói riêng ; nắm được một số nhiễm khuẩn thường gặp tại bệnh viện và sau khi ra trường áp dụng các kiến thức đã học được vào thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế.

### **72. Y pháp**

Môn học y pháp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tử thi học, thương tích chấn thương, vật gây thương tích cũng như các hình thái tử vong thường gặp: Chết do chấn thương, do ngộ độc, do treo cổ, ngạt nước, ngạt CO.... Từ đó, giúp sinh viên sau khi ra trường biết cách xử lý khi gặp các trường hợp thương tích y pháp tích và các hình thái tử vong liên quan đến pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp của mình. Thực hành: Thực nghiệm trên súc vật một số trường hợp tử vong do chấn thương, ngạt nước, ngộ độc oxyt carbon, ngạt do treo cổ, viết biên bản giám định.

### **73. Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế**

Phần kinh tế y tế giới thiệu các khái niệm cơ bản của kinh tế học và mối quan hệ giữa kinh tế học và kinh tế y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán và ý nghĩa của các loại chi phí trong y tế. Ngoài ra, nội dung về bảo hiểm y tế cũng được giới thiệu trong chương trình này.

## **V. CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU**

### **1. Thực tập tiền lâm sàng**

Tại các phòng thực tập, phòng thí nghiệm của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Đại học Y khoa Thái nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

### **2. Thực hành tiền lâm sàng :**

Tại các phòng tiền lâm sàng của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

### **3. Thực hành ở Bệnh viện**

Tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên, các Bệnh viện chuyên khoa tại tỉnh Thái Nguyên, các Bệnh viện Huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên

### **4. Thực tế tại cộng đồng**

- Tại trung tâm y tế, bệnh viện huyện, trạm y tế các xã của các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên.

- Thực tế tốt nghiệp tại bệnh viện tuyến tỉnh của 14 tỉnh từ Thanh Hóa trở ra.

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Chương trình Y đa khoa hệ chính quy** được xây dựng trên cơ sở chương trình khung thống nhất giữa Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 12/2001/QĐ-BGD&ĐT, Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học. Chương trình đó được chuyển đổi sang tín chỉ theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm 200 tín chỉ.

### **2. Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian**

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản - Y học cơ sở - Y tế công cộng - Y học lâm sàng

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Nhà trường, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

### **3. Phương pháp dạy học**

Kết hợp các phương pháp giảng dạy : Thuyết giảng, thảo luận nhóm, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, thực hành, cemina.... tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong qua trình dạy và học.

### **4. Thực tập**

- Thực tập tiền lâm sàng : Tại các phòng thực tập, thí nghiệm của Trường, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

- Thực tập tiền lâm sàng : Tại trung tâm Skillab của trường

- Thực hành tại bệnh viện : Tại các cơ sở thực hành chính như Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A, Bệnh viện C Thái Nguyên, các Bệnh viện chuyên khoa tại Thái Nguyên.

- Thực tế tốt nghiệp tại bệnh viện các tỉnh phía bắc từ Thanh Hóa trở ra với thời gian từ 14 tuần trở lên.

- Thực tế cộng đồng : Tại các bệnh viện huyện, trung tâm y tế, các trạm y tế thuộc địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

### **5. Kiểm tra, thi**

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do giảng viên đánh giá. Mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra phong phú nhằm đánh giá năng lực người học.

### **6. Điều kiện công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ các học phần trong chương trình đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng - An ninh, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà trường, thì được xét công nhận tốt nghiệp.

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Trịnh Văn Hùng**



**PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn**